

Số: 07/2026/TTLT-BCA- TANDTC-
VKSNĐTC

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2026

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Quy định chi tiết Điều 25 của Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù về chuyển đổi hình phạt tù

Căn cứ Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù số 101/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 12/2017/QH14, Luật số 59/2024/QH15, Luật số 86/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15;

Bộ trưởng Bộ Công an, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao liên tịch ban hành Thông tư liên tịch quy định chi tiết Điều 25 của Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù về chuyển đổi hình phạt tù.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này quy định chi tiết Điều 25 của Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư liên tịch này áp dụng đối với:

- Tòa án nhân dân các cấp, Viện kiểm sát nhân dân các cấp;
- Bộ Công an;
- Người đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài được tiếp nhận về Việt Nam;
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến tiếp nhận người đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc chuyển đổi hình phạt tù

Việc chuyển đổi hình phạt tù phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

1. Hình phạt tù trong bản án, quyết định mà tòa án của nước chuyển giao đã tuyên đối với người đang chấp hành án phạt tù không phù hợp với quy định của Bộ luật Hình sự, Luật Tư pháp người chưa thành niên và các quy định khác của pháp luật Việt Nam phải được chuyển đổi cho phù hợp;

2. Tuân thủ quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 25 của Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù;

3. Không chuyển đổi hình phạt tù thành hình phạt khác.

Điều 4. Xác định tội phạm, điều luật áp dụng, tội danh và hình phạt

1. Khi kiểm tra hồ sơ yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù ở nước chuyển giao về Việt Nam theo quy định tại Điều 21 của Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, căn cứ vào các tình tiết của vụ án được nêu trong bản án, quyết định đã được tòa án của nước chuyển giao tuyên, Bộ Công an có trách nhiệm đánh giá ban đầu về tội phạm, điều luật áp dụng, tội danh và hình phạt áp dụng đối với hành vi mà người được đề nghị chuyển giao về Việt Nam đã thực hiện ở nước chuyển giao theo quy định của Bộ luật Hình sự, Luật Tư pháp người chưa thành niên và các quy định khác của pháp luật Việt Nam. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Công an lấy ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao có văn bản trả lời.

2. Tòa án nhân dân có thẩm quyền xem xét yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù từ nước ngoài về Việt Nam căn cứ vào các tình tiết của vụ án được nêu trong bản án, quyết định đã được tòa án của nước chuyển giao tuyên, ý kiến của Bộ Công an quy định tại khoản 1 Điều này và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp để xem xét, quyết định chuyển đổi hình phạt tù. Nội dung chuyển đổi hình phạt tù gồm thông tin về điều luật áp dụng, tội danh, hình phạt và phải được thể hiện trong quyết định tiếp nhận người đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam.

Điều 5. Chuyển đổi hình phạt tù đối với người thành niên

Việc chuyển đổi hình phạt tù đối với người thành niên khi phạm tội được thực hiện như sau:

1. Trường hợp người đang chấp hành án phạt tù bị xử phạt tù có thời hạn trên 30 năm đối với nhiều tội thì Tòa án nhân dân có thẩm quyền xem xét, quyết định để thời hạn phải chấp hành phần hình phạt của người được tiếp nhận cao nhất đến 30 năm tù;

2. Trường hợp người đang chấp hành án phạt tù bị xử phạt tù có thời hạn trên 20 năm đối với một tội thì Tòa án nhân dân có thẩm quyền xem xét, quyết

định để thời hạn phải chấp hành phần hình phạt của người được tiếp nhận cao nhất đến 20 năm tù;

3. Trường hợp người đang chấp hành án phạt tù bị xử phạt tù chung thân và hành vi mà người đó thực hiện ở nước chuyển giao có hình phạt tù có thời hạn theo quy định của pháp luật Việt Nam thì Tòa án nhân dân có thẩm quyền xem xét, quyết định để thời hạn phải chấp hành phần hình phạt của người được tiếp nhận cao nhất phù hợp với quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này.

Điều 6. Chuyển đổi hình phạt tù đối với người chưa thành niên là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi

Việc chuyển đổi hình phạt tù đối với người chưa thành niên là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội được thực hiện như sau:

1. Trường hợp người đang chấp hành án phạt tù bị xử phạt tù chung thân thì Tòa án nhân dân có thẩm quyền xem xét, quyết định để thời hạn phải chấp hành phần hình phạt của người được tiếp nhận cao nhất đến 15 năm tù và trường hợp người đang chấp hành án phạt tù bị xử phạt tù có thời hạn thì Tòa án nhân dân có thẩm quyền xem xét, quyết định để thời hạn phải chấp hành phần hình phạt của người được tiếp nhận cao nhất không quá ba phần năm mức phạt tù mà điều luật của Bộ luật Hình sự quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;

2. Trường hợp người đang chấp hành án phạt tù bị xử phạt tù chung thân thì Tòa án nhân dân có thẩm quyền xem xét, quyết định để thời hạn phải chấp hành phần hình phạt của người được tiếp nhận cao nhất đến 18 năm tù và trường hợp người đang chấp hành án phạt tù bị xử phạt tù có thời hạn thì Tòa án nhân dân có thẩm quyền xem xét, quyết định để thời hạn phải chấp hành phần hình phạt của người được tiếp nhận cao nhất không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật của Bộ luật Hình sự quy định khi người được đề nghị chuyển giao phạm một trong các tội sau đây:

- a) Tội giết người;
- b) Tội hiếp dâm;
- c) Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi;
- d) Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;
- đ) Tội sản xuất trái phép chất ma túy.

Điều 7. Chuyển đổi hình phạt tù đối với người chưa thành niên là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi

Việc chuyển đổi hình phạt tù đối với người chưa thành niên là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội được thực hiện như sau:

1. Trường hợp người đang chấp hành án phạt tù bị xử phạt tù chung thân thì Tòa án nhân dân có thẩm quyền xem xét, quyết định để thời hạn phải chấp hành phần hình phạt của người được tiếp nhận cao nhất đến 09 năm tù và trường hợp người đang chấp hành án phạt tù bị xử phạt tù có thời hạn thì Tòa án nhân dân có thẩm quyền xem xét, quyết định để thời hạn phải chấp hành phần hình phạt của người được tiếp nhận cao nhất không quá hai phần năm mức phạt tù mà điều luật của Bộ luật Hình sự quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;

2. Trường hợp người đang chấp hành án phạt tù bị xử phạt tù chung thân thì Tòa án nhân dân có thẩm quyền xem xét, quyết định để thời hạn phải chấp hành phần hình phạt của người được tiếp nhận cao nhất đến 12 năm tù và trường hợp người đang chấp hành án phạt tù bị xử phạt tù có thời hạn thì Tòa án nhân dân có thẩm quyền xem xét, quyết định để thời hạn phải chấp hành phần hình phạt của người được tiếp nhận cao nhất không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật của Bộ luật Hình sự quy định khi người được đề nghị chuyển giao phạm một trong các tội sau đây:

- a) Tội giết người;
- b) Tội hiếp dâm;
- c) Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi;
- d) Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;
- đ) Tội sản xuất trái phép chất ma túy.

Điều 8. Trả tự do cho người đang chấp hành án phạt tù

1. Trường hợp Tòa án quyết định tiếp nhận người được đề nghị chuyển giao về Việt Nam, sau khi chuyển đổi hình phạt tù mà hình phạt tù áp dụng đối với người đó bằng hoặc thấp hơn thời gian mà họ đã chấp hành án phạt tù ở nước ngoài thì Thẩm phán tiến hành phiên họp xem xét yêu cầu chuyển giao phải tuyên bố trả tự do cho người được tiếp nhận về Việt Nam.

2. Việc trả tự do cho người được tiếp nhận về Việt Nam được thực hiện sau khi Bộ Công an tổ chức xong việc tiếp nhận người đó ở nước ngoài về Việt Nam và hoàn tất các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, thay thế Điều 19 của Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT-BCA-BTP-BNG-VKSNDTC-TANDTC ngày 22 tháng 02 năm 2013 giữa Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn việc tiếp nhận, chuyển giao, tiếp tục thi hành án đối với người

đang chấp hành án phạt tù, trừ trường hợp quy định tại Điều 48 của Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù số 101/2025/QH15.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chịu trách nhiệm thực hiện, tổ chức thực hiện Thông tư liên tịch này.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư liên tịch này, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề cần phải hướng dẫn hoặc bổ sung thì kịp thời phản ánh về Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao để có hướng dẫn, giải quyết kịp thời. *lưu*

KT. VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO PHÓ VIỆN TRƯỞNG	KT. CHÁNH ÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO PHÓ CHÁNH ÁN	KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN THỦ TRƯỞNG
  Trần Hải Quân	  Nguyễn Văn Tiến	  Thượng tướng Lê Văn Tuyền

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ; các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Ủy ban Dân nguyện và giám sát của Quốc hội;
- Bộ Công an;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Công báo;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cổng Pháp luật quốc gia;
- Lưu: VT (BCA, TANDTC, VKSNDTC), V03 (P5).